



VIỆN Y HỌC LÃO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: 616-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866902688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Yimcerts 306

ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1.02783a/2025/PKQ/25.1485

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng
Địa chỉ
Loại mẫu
Ngày nhận mẫu
Thời gian thử nghiệm

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Số 8C Đình Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
Nước sinh hoạt
02/06/2025
02/06/2025 - 16/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				250602.NSH.061	QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00320	0,01
4	Clor dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl - F:2023	0,46	0,2 - 1
5	Độ đục ^(*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCU	SMEWW 2120C:2023	<3	15
7	Mùi, vị ^(*)	-	DNP.QM.GC.M 02:2022	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	6,99	6 - 8,5
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	< 1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/7



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vinceris 306

10	Trực khuẩn mũ xanh (<i>Pseudomonas aeruginosa</i>) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	< 1
11	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500NH3 F:2023	0,08	0,3
12	Antimon (Sb) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,02
13	Bari (Ba) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0334	0,7
14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	0,3
15	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0001)	0,003
16	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0005)	0,01
17	Chỉ số pecmanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	2
18	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	TCVN 6194:1996	14,2	250
19	Chromi (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cu) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0015)	1
21	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C- 2023	151	300
22	Florua (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F-.B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,06	0,1
25	Natri (Na) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	7,36	200
26	Nhôm (Al) ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-AL B-2023	0,02	0,2
27	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,07

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 2/7



VIỆN Y HỌC LÃO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

46	Etylbenzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	300
47	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
48	Styrene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2-Dichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monoclorbenzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	300
53	Trichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
54	Acrylamide ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorhydrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachlorobutadiene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	0,6
57	1,2-Dibromo-3-Chloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2-Dichloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	40
59	1,3 - Dichloropropan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
61	2,4 - DB ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90
62	Alachlor ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
 3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vimcerts 306

28	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6180 :1996	0,61	2
29	Nitrit (NO_2^-) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW4500 NO2-B:2023	KPH (LOD = 0,0015)	0,05
30	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,05	0,3
31	Selen (Se) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,01
32	Sunphat (SO_4^{2-}) ^(*)	mg/L	EPA- Method-375.4:1978	12	250
33	Sunfua (S^{2-}) (tính theo H_2S) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,0002	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 2540C:2023	130	1.000
36	Xyanua (CN^-) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Tricloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	2.000
38	1,2 - Dicloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	30
39	1,2' - Dicloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	2
41	Diclorometan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	20
42	Tetracloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	40
43	Trichloroethene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
44	Vinylclorua ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

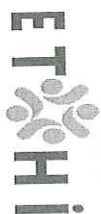
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 3/7



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
67	Clodane(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
69	Cyanazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichloprop(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop(+)	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
75	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA)(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop - MCPP(+)	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor(+)	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
79	Pendimetalin(+)	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
80	Permethrin(+)	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil(+)	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

82	Simazine ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifuralin ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Triclorophenol ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat ⁽⁺⁾		µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10
86	Bromodichloromethane ⁽⁺⁾		µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	60
87	Bromoform ⁽⁺⁾		µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	100
88	Chloroform ⁽⁺⁾		µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	300
89	Dibromoacetone ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
90	Dibromochloromethane ⁽⁺⁾		µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	100
91	Dichloroacetone ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
92	Dichloroacetic acid ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
93	Formaldehyde ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	900
94	Monochloramine ⁽⁺⁾		mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	3
95	Monochloroacetic acid ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
96	Trichloroacetic acid ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
97	Trichloroacetone ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α ⁽⁺⁾		Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β ⁽⁺⁾		Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	1

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 6/7



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etoh.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vmcerts 306

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250602.NSH.061: 23 Bà Triệu;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huệ



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025

Nguyễn Xuân Dũng



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 7/7



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C-6-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0860992668 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: I.02783d/2025/PKQ/25.1485

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 02/06/2025
Thời gian thử nghiệm: 02/06/2025 - 16/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		
				250602.NSH.071	250602.NSH.072	QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<3
2	E. Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	<0,003	<0,003	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl- F:2023	0,46	0,44	0,2 - 1
5	Độ đục ^(*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<0,1	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCU	SMEWW 2120C:2023	<3	<3	15
7	Mùi, vị ^(*)	-	DNP.QM.GC.M 02:2022	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,01	6,94	6 - 8,5
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	< 1
11	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500NH3 F:2023	0,1	0,07	0,3
12	Antimon (Sb) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,02

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
BM.QT.12.02
Lần ban hành: 02.2022
Trang 1/6



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincerts 306

13	Bari (Ba) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0341	0,0330	0,7
14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
15	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0001)	KPH (LOD= 0,0001)	0,003
16	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0005)	KPH (LOD = 0,0005)	0,01
17	Chỉ số pecmanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,7	0,58	2
18	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	TCVN 6194:1996	12,2	11,3	250
19	Chromi (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cu) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0015)	KPH (LOD = 0,0015)	1
21	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C- 2023	131	133	300
22	Florua (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F- B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	<0,0300	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,03	KPH (LOD = 0,01)	0,1
25	Natri (Na) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	10,58	4,31	200
26	Nhôm (Al) ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-AL B-2023	<0,02	<0,02	0,2
27	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6180 :1996	0,63	0,56	2
29	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW4500 NO2- B:2023	KPH (LOD = 0,0015)	KPH (LOD = 0,0015)	0,05
30	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,05	<0,05	0,3
31	Selen (Se) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	KPH (LOD=0,0005)	0,01
32	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(*)	mg/L	EPA- Method-375.4:1978	<10	11,6	250

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

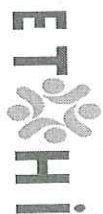
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày. Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 2/6



VIỆN Y HỌC ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vinceris 306

33	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H ₂ S ⁽⁺⁾)	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hg ⁽⁺⁾)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	KPH (LOD = 0,00008)	<0,0002	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 2540C:2023	129 KPH (LOD=0,002)	131 KPH (LOD=0,002)	1.000
36	Xyanua (CN ⁽⁺⁾)	mg/L	TCVN 6181:1996	(LOD=0,002)	(LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Tricloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	2.000
38	1,2 - Dicloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	30
39	1,2 - Dicloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
41	Diclorometan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	20
42	Tetrachloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	40
43	Trichloroethene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
44	Vinylclorua ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	10
46	Etylbenzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	300
47	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
48	Styrene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2-Dichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monoclorobenzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	300
53	Trichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
54	Acrylamide ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorhydrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	0,4

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM. QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 3/6



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vinceris 306

56	Hexachlorobutadiene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	0,6
57	1,2-Dibromo-3-Chloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2-Dichloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	40
59	1,3 - Dichloropropen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	30
61	2,4 - DB ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	90
62	Alachlor ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	10
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	30
67	Clodane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	30
69	Cyanazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichloroprop ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	9
75	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop - MCPP ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	6
79	Pendimetalin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

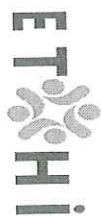
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022



VIỆN Y HỌC ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vinceris 306

80	Permethrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	20
82	Simazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifluralin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Triclorophenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat ⁽⁺⁾	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	KPH (LOD=3)	10
86	Bromodichloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	60
87	Bromoform ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	100
88	Chloroform ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	300
89	Dibromoacetonitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	70
90	Dibromochloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	KPH (LOD=1)	100
91	Dichloroacetonitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	KPH (LOD=0,5)	20
92	Dichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	50
93	Formaldehyde ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	KPH (LOD=10)	900
94	Monochloramine ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	KPH (LOD=0,03)	3
95	Monochloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	20
96	Trichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	KPH (LOD=2)	200
97	Trichloroaxetonitril ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	KPH (LOD=0,1)	1
98	Tổng hoạt độ phóng xạ $\alpha^{(+)}$	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ $\beta^{(+)}$	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250602.NSH.071: Số 8 Trần Quốc Toản;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vincerts 306

- 250602.NSH.072: Số 126 Hàng Trống;

- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huệ

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Dũng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 6/6



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vinceris 306

ISO/IEC 17025:2017

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1.02783c/2025/PKQ/25.1485

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng
Địa chỉ
Loại mẫu
Ngày nhận mẫu
Thời gian thử nghiệm

CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Số 8C Đình Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
Nước sinh hoạt
02/06/2025
02/06/2025 - 16/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				250602.NSH.070	QCVN 01-1:2018/BYT
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00340	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,47	0,2 - 1
5	Độ đục ^(*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCU	SMEWW 2120C:2023	<3	15
7	Mùi, vị ^(*)	-	DNP.QM.GC.M 02:2022	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,03	6 - 8,5
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	< 1
11	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500NH3 F:2023	0,11	0,3
12	Antimon (Sb) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,02
13	Bari (Ba) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0339	0,7

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 1/5



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincertis 306

14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	0,3
15	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0001)	0,003
16	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0005)	0,01
17	Chỉ số pecmanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,64	2
18	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	TCVN 6194:1996	14,2	250
19	Chromi (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cu) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	<0,003	1
21	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C- 2023	135	300
22	Florua (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F-B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	0,1
25	Natri (Na) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	3,7	200
26	Nhôm (Al) ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-AL B-2023	0,02	0,2
27	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6180 :1996	0,56	2
29	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW4500 NO2-B:2023	KPH (LOD = 0,0015)	0,05
30	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	KPH (LOD = 0,015)	0,3
31	Selen (Se) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,01
32	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(*)	mg/L	EPA- Method-375.4:1978	11,8	250
33	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H ₂ S) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,0002	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 2540C:2023	129	1.000
36	Xyanua (CN) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Tricloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	2.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

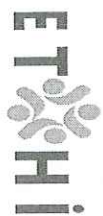
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 2/5



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimeters 306

38	1,2 - Dicloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	30
39	1,2 - Dicloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	2
41	Diclorometan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	20
42	Tetrachloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	40
43	Trichloroethene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
44	Vinylclorua ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	10
46	Etylbenzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	300
47	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
48	Styrene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2-Dichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monoclorobenzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	300
53	Trichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
54	Acrylamide ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlorhydrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachlorobutadiene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	0,6
57	1,2-Dibromo-3-Chloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2-Dichloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	40
59	1,3 - Dichloropropan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
61	2,4 - DB ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincerts 306

62	Alachlor ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10
64	Átrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
67	Clodane ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
69	Cyanazine ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichloprop ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
75	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop - MCPP ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
79	Pendimetalin ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
80	Permethrin ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
82	Simazine ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifuralin ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Triclorophenol ⁽⁺⁾		µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat ⁽⁺⁾		µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimecerts 306

86	Bromodichloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	60
87	Bromoform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	100
88	Chloroform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	300
89	Dibromoacetonitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
90	Dibromochloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	100
91	Dichloroacetonitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
92	Dichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
93	Formaldehyde ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	900
94	Monochloramine ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-CL.G-2023	KPH (LOD=0,03)	3
95	Monochloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
96	Trichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
97	Trichloroaxetonitril ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α ⁽⁺⁾	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β ⁽⁺⁾	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250602.NSH.070: Sau bom 2;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huệ



Nguyễn Xuân Dũng

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866902688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincerts 306

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 1.02783b/2025/PKQ/25.1485

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng: CÔNG TY CP SẢN XUẤT KINH DOANH NƯỚC SẠCH SỐ 3 HÀ NỘI
Địa chỉ: Số 8C Đình Công Tráng, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, HN
Loại mẫu: Nước sinh hoạt
Ngày nhận mẫu: 02/06/2025
Thời gian thử nghiệm: 02/06/2025 - 16/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	
				250602.NSH.069	QCVN 01-1:2018/ BYT
1	Coliform ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<3
2	E.Coli ^(*)	CFU/100mL	TCVN 6187-1:2019	KPH	<1
3	Asen (As) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	0,00330	0,01
4	Clo dư tự do ^(*)	mg/L	SMEWW 4500 - Cl-F:2023	0,46	0,2 - 1
5	Độ đục ^(*)	NTU	TCVN 12402-1:2020	<0,1	2
6	Màu sắc ^(*)	TCU	SMEWW 2120C:2023	<3	15
7	Mùi, vị ^(*)	-	DNP.QM.GC.M 02:2022	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ
8	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,11	6 - 8,5
9	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	SMEWW 9213B : 2023	KPH (LOD=1)	< 1
10	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ⁽⁺⁾	CFU/100mL	TCVN 8881:2011	KPH (LOD=1)	< 1
11	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW 4500NH3 F:2023	0,13	0,3
12	Antimon (Sb) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,02
13	Bari (Ba) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	0,0336	0,7

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.
3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025:2017:10559 Vincerts 306

14	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6635:2000	KPH (LOD=0,1)	0,3
15	Cadimi (Cd) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0001)	0,003
16	Chì (Pb) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0005)	0,01
17	Chỉ số pecmanganat ^(*)	mg/L	TCVN 6186:1996	0,83	2
18	Clorua (Cl) ^(*)	mg/L	TCVN 6194:1996	14,5	250
19	Chromi (Cr) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,05
20	Đồng (Cu) ^(*)	mg/L	SMEWW 3113B-2023	KPH (LOD = 0,0015)	1
21	Độ cứng tính theo CaCO ₃ ^(*)	mg/L	SMEWW 2340C- 2023	135	300
22	Florua (F) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-F- .B&D:2023	KPH (LOD=0,03)	1,5
23	Kẽm (Zn) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,01)	2
24	Mangan (Mn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	<0,03	0,1
25	Natri (Na) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 3111B:2023	7,16	200
26	Nhôm (Al) ^(*)	mg/L	SMEWW 3500-AL B-2023	0,02	0,2
27	Niken (Ni) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,07
28	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 6180 :1996	0,51	2
29	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N) ^(*)	mg/L	SMEWW4500 NO2-B:2023	KPH (LOD = 0,0015)	0,05
30	Sắt (Fe) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,05	0,3
31	Selen (Se) ⁽⁺⁾	mg/L	US EPA Method 6020A	KPH (LOD=0,0005)	0,01
32	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(*)	mg/L	EPA- Method-375.4:1978	11,6	250
33	Sunfua (S ²⁻) (tính theo H2S) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6637:2000	KPH (LOD=0,01)	0,05
34	Thủy ngân (Hg) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B-2023	<0,0002	0,001
35	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 2540C:2023	130	1.000
36	Xyanua (CN) ⁽⁺⁾	mg/L	TCVN 6181:1996	KPH (LOD=0,002)	0,05
37	1,1,1 - Tricloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	2.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vmcers 306

38	1,2 - Dicloroetan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	30
39	1,2 - Dicloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	50
40	Carbon tetrachloride ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	2
41	Diclorometan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	20
42	Tetrachloroeten ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	40
43	Trichloroethene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
44	Vinylclorua ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,3
45	Benzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	10
46	Etylbenzen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	300
47	Phenol và dẫn xuất của phenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
48	Styrene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
49	Toluen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	700
50	Xylen ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	500
51	1,2-Dichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	1.000
52	Monoclorobenzen ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	300
53	Trichlorobenzene ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
54	Acrylamide ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8032A	KPH (LOD=0,1)	0,5
55	Epichlohydrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	0,4
56	Hexachlorobutadiene ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,2)	0,6
57	1,2-Dibromo-3-Chloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA 8260C	KPH (LOD=0,1)	1
58	1,2-Dichloropropane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	40
59	1,3 - Dichloropropan ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	20
60	2,4 - D ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=1)	30
61	2,4 - DB ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	90

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022



62	Alachlor ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
63	Aldicarb ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 531.2	KPH (LOD=1)	10
64	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	100
65	Carbofuran ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	5
66	Chlorpyrifos ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	30
67	Clodane ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	0,2
68	Chlorotoluron ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	30
69	Cyanazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	0,6
70	DDT và các dẫn xuất ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	1
71	Dichloprop ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	100
72	Fenoprop ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 515.4	KPH (LOD=1)	9
73	Hydroxyatrazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	200
74	Isoproturon ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,02)	9
75	2-Methyl-4-chlorophenoxyacetic (MCPA) ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=0,5)	2
76	Mecoprop - MCPP ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 555	KPH (LOD=2)	10
77	Methoxychlor ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,01)	20
78	Molinate ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	6
79	Pendimetalin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8091	KPH (LOD=0,01)	20
80	Permethrin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	20
81	Propanil ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 532	KPH (LOD=1)	20
82	Simazine ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 525.3	KPH (LOD=0,01)	2
83	Trifluralin ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
84	2,4,6 - Trichlorophenol ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 8270D	KPH (LOD=0,02)	200
85	Bromat ⁽⁺⁾	µg/L	TCVN 9243:2012	KPH (LOD=3)	10

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.



VIỆN Y HỌC LAO ĐỘNG VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

Địa chỉ: C16-25 Khu C, Khu đô thị Geleximco, Lê Trọng Tấn, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội
Hotline: 0866992688 Email: info@etohi.vn ISO/IEC 17025/2017:10559 Vimecerts 306

86	Bromodichloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	60
87	Bromoform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=0,5)	100
88	Chloroform ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	300
89	Dibromacetoneitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	70
90	Dibromochloromethane ⁽⁺⁾	µg/L	Us EPA Method 8260C	KPH (LOD=1)	100
91	Dichloroacetoneitrile ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,5)	20
92	Dichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	50
93	Formaldehyde ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 556	KPH (LOD=10)	900
94	Monochloramine ⁽⁺⁾	mg/L	SMEWW 4500-CL.G:2023	KPH (LOD=0,03)	3
95	Monochloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	20
96	Trichloroacetic acid ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 552.2	KPH (LOD=2)	200
97	Trichloroaxetonitril ⁽⁺⁾	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH (LOD=0,1)	1
98	Tổng hoạt độ phóng xạ α ⁽⁺⁾	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (LOD=0,02)	0,1
99	Tổng hoạt độ phóng xạ β ⁽⁺⁾	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (LOD=0,2)	1

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- 250602.NSH.069: Bệnh viện Việt Đức;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Nguyễn Xuân Dũng

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2025
PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm, tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

2. Các chỉ tiêu đánh dấu (+) được công nhận tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017.

3. Các chỉ tiêu đánh dấu (*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

4. Quá thời hạn lưu mẫu 07 ngày, Viện không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

BM.QT.12.02

Lần ban hành: 02.2022

Trang 5/5

